

TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ THỦ ĐỨC  
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 2638/2024/KDTM-ST  
Ngày: 21-6-2024  
V/v tranh chấp hợp đồng dịch vụ.

NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THỦ ĐỨC – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Phương Thảo

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Ông Phạm Văn Tâm

2/ Bà Trần Thị Hương

- Thư ký phiên tòa: Bà Đoàn Thị Xuân – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức – thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn T – Kiểm sát viên sơ cấp.

Ngày 21 tháng 6 năm 2024, tại phòng xử B Tòa án nhân dân thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 576/2023/TLST-KDTM ngày 29 tháng 12 năm 2023 về tranh chấp hợp đồng dịch vụ theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 3526/2024/QĐXXST-KDTM ngày 28 tháng 5 năm 2024, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Công ty TNHH MTV A

Địa chỉ: F Đ, phường P, thành phố T.

Đại diện theo ủy quyền: Bà Nguyễn Thu T1 (có mặt)

Bị đơn: Công ty cổ phần Đ

Địa chỉ: B đường C, Tòa nhà B, phường A, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện theo pháp luật: Ông Phan Hoài T2 – Tổng Giám đốc. ( vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 08/12/2023 và lời khai tại tòa, đại diện ủy quyền nguyên đơn bà Nguyễn Thu T1 trình bày:

Ngày 14/08/2023 Công ty TNHH MTV A (gọi tắt Công ty A) và Công ty cổ phần Đ (gọi tắt Công ty Đ) ký kết Hợp đồng dịch vụ an toàn lao động tại công trường xây dựng số 1408/HĐAT/ĐP-NL/23 (gọi tắt Hợp đồng) về việc

cung cấp dịch vụ giám sát an toàn, số lượng 01 người, đơn giá 16.000.000 đồng/01 vị trí địa điểm làm việc tại C: B - Địa chỉ: T, Thành phố P, Tỉnh Bình Thuận.

Từ ngày 14/8/2023 Công ty A đã cung cấp dịch vụ giám sát an toàn cho Công ty Đ như Hợp đồng đã ký đến ngày 04/10/2023. Căn cứ vào Khoản h, Điều 4 Hợp đồng quy định về phí cung cấp dịch vụ và thanh toán: “Bên A sẽ thanh toán cho Bên B thời hạn chậm tối đa là 10 ngày kể từ khi Bên A xác nhận đã nhận đủ bộ hồ sơ thanh toán, không quá ngày 10 trong tháng đó.

Công ty A đã xuất hóa đơn và bàn giao đầy đủ hồ sơ, chứng từ thanh toán cho Công ty Đ từ ngày 14/08/2023 - 04/10/2023. Tuy nhiên, Công ty Đ không hoàn thành nghĩa vụ thanh toán là 33.230.769 đồng dù Công ty A đã nhiều lần nhắc nhở, yêu cầu.

Công ty A khởi kiện yêu cầu Công ty Đ1 cho Công ty A tổng số tiền nợ là 33.230.769 đồng theo hợp đồng dịch vụ an toàn lao động tại công trường xây dựng số 1408/HĐAT/ĐP-NL/23 ký ngày 14/08/2023; Và buộc Công ty Đ trả lãi chậm thanh toán tương ứng với thời gian chậm trả từ ngày 18/09/2023 đến khi Công ty Đ1 xong các khoản nợ cho Công ty A với lãi suất 10%/năm (tương đương 0,83%/tháng) tạm tính đến ngày 06/12/2023 là 544.438 đồng.

Bị đơn Công ty Đ đã được Tòa án tổng đạt Thông báo thụ lý, triệu tập họp lệ nhưng vẫn không đến Tòa án để trình bày và tham gia các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, cũng như không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa, đại diện ủy quyền nguyên đơn yêu cầu bị đơn thanh toán số tiền 33.230.769 đồng và tiền lãi do chậm trả với lãi suất 10%/năm từ ngày chậm thanh toán 18/9/2023 đến ngày Tòa án xét xử (ngày 21/6/2024) là 2.347.094 đồng.

Bị đơn Công ty Đ vắng mặt.

Phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử đúng theo quy định của pháp luật.

- Về việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: các đương sự thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình đúng quy định pháp luật, tuân theo nội quy phiên tòa. Đương sự, người đại diện ủy quyền có đầy đủ năng lực pháp luật và năng lực hành vi dân sự, văn bản ủy quyền đúng quy định pháp luật.

- Về nội dung vụ kiện: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn. Bị đơn phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Theo nội dung đơn khởi kiện, Công ty TNHH MTV A tranh chấp phí dịch vụ với Công ty cổ phần Đ. Xét tranh chấp giữa đôi bên phát sinh trong hoạt động kinh doanh và đều có mục đích lợi nhuận nên đây là vụ án tranh chấp hợp đồng dịch vụ theo qui định tại khoản 1 Điều 30 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và bị đơn là Công ty Đ có trụ sở tại phường P, thành phố T nên thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức theo điểm b khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2]. Về tố tụng: Bị đơn Công ty cổ phần Đ (Đại diện theo pháp luật ông Phan Hoài T2 – Tổng Giám đốc) đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt theo qui định tại khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

[3]. Về yêu cầu của nguyên đơn:

Căn cứ Hợp đồng dịch vụ an toàn lao động tại công trường xây dựng số 1408/HĐAT/ĐP-NL/23 ngày 14/8/2023; Bảng chấm công ngày 01/8/2023 đến ngày 31/8/2023, bảng chấm công từ ngày 01/9/2023 đến ngày 30/9/2023 và bảng chấm công từ ngày 01/10/2023 đến ngày 31/10/2023; Hóa đơn giá trị gia tăng số 400 ngày 05/9/2023, Hóa đơn giá trị gia tăng số 448 ngày 04/10/2023; Giấy đề nghị thanh toán ngày 05/9/2023 và ngày 04/10/2023; Bảng chi tiết công nợ khách hàng Công ty cổ phần Đ ngày 31/10/2023 có xác nhận của ông Phan Hoài T2 – Tổng giám đốc Công ty Đ thì Công ty A có cung cấp dịch vụ giám sát an toàn lao động cho Công ty Đ từ ngày 14/8/2023 đến ngày 04/10/2023 và tính đến ngày 31/10/2023 Công ty Đ chưa thanh toán phí dịch vụ 33.230.769 đồng cho Công ty A.

Ngày 29/12/2023, Tòa án thụ lý vụ tranh chấp hợp đồng dịch vụ do Công ty A kiện yêu cầu Công ty Đ trả tiền phí dịch vụ và lãi chậm thanh toán. Tòa án đã tổng đạt thông báo thụ lý, giấy triệu tập, thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cho bị đơn Công ty Đ hợp lệ nhưng bị đơn không đến Tòa án để làm bản khai, hòa giải và không có văn bản trình bày ý kiến về việc đã trả số tiền phí dịch vụ 33.230.769 đồng và lãi chậm thanh toán cho nguyên đơn.

Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ trên và lời khai của đại diện nguyên đơn có cơ sở xác định Công ty Đ có sử dụng dịch vụ giám sát an toàn lao động từ Công ty A từ ngày 14/8/2023 đến ngày 04/10/2023 nhưng đến nay chưa trả phí dịch vụ 33.230.769 đồng. Xét việc Công ty Đ chưa trả phí dịch vụ cho Công ty A là ảnh hưởng đến quyền lợi ích hợp pháp của Công ty A, do đó có cơ sở chấp nhận yêu cầu của Công ty A buộc Công ty Đ trả ngay số tiền phí dịch vụ còn nợ là 33.230.769 đồng.

[4]. Về yêu cầu đòi tiền lãi chậm trả với lãi suất 10%/năm trên số tiền chậm trả 33.230.769 đồng.

Căn cứ Hóa đơn giá trị gia tăng số 400 ngày 05/9/2023 và Giấy đề nghị thanh toán ngày 05/9/2023 số tiền 11.963.077 đồng; Hóa đơn giá trị gia tăng số

448 ngày 04/10/2023 và Giấy đề nghị thanh toán ngày 04/10/2023 số tiền 21.267.692 đồng.

Căn cứ Khoản h, Điều 4 Hợp đồng quy định về phí cung cấp dịch vụ và thanh toán: “*Bên A sẽ thanh toán cho Bên B thời hạn chậm tối đa là 10 ngày kể từ khi Bên A xác nhận đã nhận đủ bộ hồ sơ thanh toán ( Không quá Ngày 10 trong tháng đó )*”.

Căn cứ thông tin phát bưu gửi ngày 05/9/2023 thì Công ty Đ đã nhận vào ngày 06/9/2023. Như vậy Công ty Đ phải thanh toán cho Công ty A số tiền 11.963.077 đồng chậm nhất ngày 17/9/2023.

Căn cứ thông tin phát bưu gửi ngày 04/10/2023 thì Công ty Đ đã nhận vào ngày 05/10/2023. Như vậy Công ty Đ phải thanh toán cho Công ty A số tiền 21.267.692 đồng chậm nhất ngày 16/10/2023.

Theo Điều 306 Luật Thương mại qui định “*Trường hợp bên vi phạm hợp đồng chậm thanh toán tiền hàng hay chậm thanh toán thù lao dịch vụ và các chi phí hợp lý khác thì bên bị vi phạm hợp đồng có quyền yêu cầu trả tiền lãi trên số tiền chậm trả đó theo lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường tại thời điểm thanh toán tương ứng với thời gian chậm trả, trừ trường hợp có thỏa thuận khác hoặc pháp luật có quy định khác*”.

Theo Công văn 290/CV-CNĐSG-PTH ngày 14/5/2024 của Ngân hàng TMCP C thì lãi suất cho vay thấp nhất là 12%/năm, lãi suất quá hạn 18%/năm. Theo Thông báo 02/LSVN-CV/24 ngày 11/4/2024 của Ngân hàng TMCP N thì lãi suất cho vay trung dài hạn là 9,5%/năm, lãi suất quá hạn 14,25%/năm. Theo Thông báo 323/NHN0.CN9-KHDN ngày 27/3/2024 của Ngân hàng N1 thì lãi suất cho vay dài hạn là 9,9%/năm, lãi suất quá hạn 10,89%/năm. Như vậy lãi suất trung bình quá hạn là 14,38%/năm (tương đương 1,198%/tháng, 0,0399%/ngày).

Xét nguyên đơn yêu cầu trả tiền lãi chậm thanh toán với lãi suất 10%/năm (tương đương 0,833%/ tháng, 0,02739726%/ngày) trên số tiền chậm thanh toán 11.963.077 đồng từ ngày 18/9/2023 và trên số tiền 21.267.692 đồng từ ngày 18/10/2023 là thấp hơn so với lãi suất trung bình quá hạn và có lợi cho bị đơn nên Hội đồng xét xử ghi nhận. Công ty Đ phải chịu lãi chậm thanh toán như sau:

- Từ ngày 18/9/2023 đến ngày 21/6/2024: 11.963.077 đồng x 0,02739726%/ngày x 277 ngày = 907.883 đồng.

- Từ ngày 18/10/2023 đến ngày 21/6/2024: 21.267.692 đồng x 0,02739726%/ngày x 247 ngày = 1.439.211 đồng.

Tổng số tiền lãi bị đơn phải trả cho nguyên đơn là 2.347.094 đồng.

[5]. Án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận toàn bộ, nên theo quy định tại Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, Công ty cổ phần Đ phải chịu toàn bộ án phí kinh doanh thương mại là 3.000.000 đồng.

Công ty TNHH MTV A không phải chịu án phí. H lại cho Công ty TNHH MTV A số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 3.000.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0000185 ngày 26/12/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

Từ những nhận định và phân tích trên, xét đề nghị của kiểm sát viên về việc chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn là có cơ sở.

Vì các lẽ trên,

### QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 2 Điều 227, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;
- Áp dụng các Điều 306 Luật Thương mại năm 2005;
- Áp dụng Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm.
- Áp dụng khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Buộc Công ty cổ phần Đ có trách nhiệm trả cho Công ty TNHH MTV A số tiền 33.230.769 đồng và tiền lãi do chậm thanh toán tính đến ngày 21/6/2024 là 2.347.094 đồng ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất quá hạn trung bình tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

2. Án phí: Công ty cổ phần Đ phải nộp án phí 3.000.000 đồng tại Chi cục Thi hành án Dân sự thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

H lại cho Công ty TNHH MTV A số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 3.000.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0000185 ngày 26/12/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

*Nơi nhận:*

- TAND TP . HCM

**TÒA**

- VKSND thành phố Thủ Đức;
- Chi cục THA DS thành phố Thủ Đức;
- Các đương sự;
- Lưu VP, hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN**

**Nguyễn Thị Phương Thảo**